

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 11 - 5 - 2022

V/v tranh chấp thừa kế, chia tài sản
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hồng Thê - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hoà
2. Ông Hoàng Văn Cương

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kỳ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp thừa kế, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 01/4/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐST-DS ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1946; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Có mặt.

- **Bị đơn:** anh Trương Xuân S – sinh năm 1974; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trương Xuân G; – sinh năm 1971; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Trương Thị Th – sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Trương Thị H2 – sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm 7 xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Chị Trương Thị H1 – sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã EaBan, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Anh Trương Xuân H – sinh năm 1976; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

6. Chị Trương Thị D – sinh năm 1991; Địa chỉ: xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

* Người đại diện theo uỷ quyền của anh Giang, chị D, chị H1, chị Th, chị H2 là anh Trương Xuân H – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 lời khai quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X và ông Trương Xuân T kết hôn với nhau sinh được 7 người con gồm: Trương Xuân G, Trương Xuân S, Trương Xuân H, Trương Thị Th, Trương Thị H2, Trương Thị H1, Trương Thị D. Ông T chết ngày 02/12/1991, không để lại di chúc và khoản nợ nào. Từ khi ông T chết đến nay, bà X đã vất vả nuôi nấng các con trưởng thành, lập gia đình riêng và xây dựng chỗ ở khác. Tài sản chung của vợ chồng bà là 01 ngôi nhà tranh (sau khi ông T chết thì đã dỡ và xây nhà mới) và thửa đất số 521, tờ bản đồ số 8 (gồm 200m² đất ở và 1320m² đất vườn) tại xóm 9 (tức xóm 15a cũ) xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số phát hành N 674703, số vào sổ cấp Giấy 1604/QSĐĐ/90UBND ngày 31/3/1999. Theo đo đạc Bản đồ địa chính, thửa đất đã đổi số hiệu là thửa 86, tờ bản đồ số 64, diện tích 2363,7m². Từ năm 1991 đến nay, bà vẫn trực tiếp sử dụng toàn bộ thửa đất, chưa bán hay đổi đất với ai. Mẹ con bà cũng chưa bao giờ họp bàn chia tài sản thừa kế của ông T. Khi bà có nguyện vọng cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh S lại không chịu hợp tác, gây khó khăn. Do vậy, bà yêu cầu Toà án chia tài sản chung của vợ chồng bà và chia thừa kế tài sản của ông T trong thửa đất số 84 theo pháp luật. Bà X chấp nhận chịu chi phí tố tụng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Trương Xuân S trình bày: Cha mẹ anh là ông Trương Xuân T và bà Nguyễn Thị X sinh được 7 người con như trình bày của bà X. Ông T chết ngày 02/12/1991, không có di chúc, không có khoản nợ nào. Cha mẹ anh có khối tài sản 01 ngôi nhà tranh và thửa đất số 521, tờ bản đồ số 8 (gồm 200m² đất ở và 1320m² đất vườn) tại xóm 9 (tức xóm 15a cũ) xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Gia đình anh chưa bao giờ họp phân chia thừa kế tài sản của cha để lại; tất cả tài sản của cha mẹ đều do bà X quản lý, sử dụng; khuôn viên đất không có gì thay đổi so với trước đây. Quá trình sử dụng đất, bà X đã bán một phần cho con gái là Trương Thị D và đổi đất cho con trai Trương Xuân H nên bà X không còn là chủ đất nữa. Do bà X đối xử với anh S như người ngoài nên anh không ký vào hồ sơ cấp đổi Giấy cho bà X. Bị đơn

không nhận phần tài sản thừa kế và cũng không liên quan gì đến thừa đất tranh chấp.

- *Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trương Xuân H, anh Trương Xuân G, chị Trương Thị Th, chị Trương Thị H2, chị Trương Thị D, chị Trương Thị H1 thống nhất với các ý kiến của nguyên đơn và đề nghị nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế mà các anh chị được hưởng cho bà X.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 213; Điều 623 của Bộ luật Dân sự. Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để xử theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản chung và chia thừa kế theo hướng giao toàn bộ thừa đất số 86, tờ bản đồ số 64 tại xóm 9 xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cho bà Nguyễn Thị X sử dụng. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp thừa đất 521, tờ bản đồ số 8 (nay là thừa số 86, tờ bản đồ số 64) tại xóm 9 (tức xóm 15a cũ) xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn cho rằng, thừa đất tranh chấp đã được bà X bán 1 phần cho chị D và đổi cho anh H nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bà X, anh H, chị D không thừa nhận nên không có cơ sở để xác định có sự tồn tại giao dịch dân sự nào liên quan đến thừa đất tranh chấp như ý kiến của bị đơn.

Như vậy, theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: thừa đất số 521, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) có diện tích 1520m² (gồm 200m² đất ở và

1320m² đất vườn) tại xóm 9 (tức xóm 15a cũ) xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy 1604/QSĐĐ/90UBND, số phát hành N 674703 ngày 31/3/1999 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Thị X là tài sản chung của vợ chồng ông Trương Xuân T và bà Nguyễn Thị X tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đặc Bản đồ địa chính, thửa đất đã đổi số hiệu là thửa 86, tờ bản đồ số 64, diện tích 2363,7m², chênh lệch tăng 843,7m² so với diện tích được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Báo cáo số 137/BC-UBND ngày 18/3/2022 của UBND xã K thì thửa đất tranh chấp được Hợp tác xã cấp vào tháng 6/1980, sử dụng vào mục đích đất ở ổn định, liên tục cho đến nay; diện tích 843,7m² tăng thêm có nguyên nhân là do sai số đo đạc giữa các thời kỳ và được gia đình sử dụng để trồng cây lâu năm và cây hàng năm gắn liền với đất ở. Như vậy, theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, bà X và ông T mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất (riêng phần đất chênh lệch tăng 843,7m² thì tạm giao để chủ sử dụng đất thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật). Căn cứ vào Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn, chia cho bà X được quyền sử dụng 1181,85m² tại thửa đất số 86 nêu trên.

Năm 1991, ông T chết, không để lại di chúc và khoản nợ nào; các đồng thừa kế của ông T cũng chưa bao giờ họp bàn phân chia thừa kế. Bà X tiếp tục quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng từ đó cho đến nay. Ngày 16/02/2022, bà X khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T là đã hết thời hiệu thời kiện quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, do không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự, giao toàn bộ di sản của ông T (1181,85m² tại thửa đất số 86) cho bà X sử dụng.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã phân chia cho bà X sử dụng toàn bộ thửa đất số 86 nên khi quyết định, cần nhập phần tài sản chia cho bà X với phần tài sản thừa kế của ông T mà bà X được hưởng để thuận lợi hơn trong quá trình thi hành án.

[2.2]. Về các chi phí tố tụng.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Vấn đề khác: các đương sự không yêu cầu giải quyết các tài sản gắn liền trên đất nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Bà X là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử cho miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 213; Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia tài sản chung vợ chồng cho bà Nguyễn Thị X và chia thừa kế tài sản của ông Trương Xuân T như sau:

Chia, giao diện tích 1520m² (gồm 200m² đất ở và 1320m² đất vườn) tại thửa đất số 521, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) (nay là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 64) thuộc xóm 9 (tức xóm 15a cũ) xã K, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy 1604/QSDĐ/90UBND, số phát hành N 674703 ngày 31/3/1999 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Thị X và chia, tạm giao 843,7m² đất chênh lệch tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị X được sử dụng. (Hiện bà X đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản được phân chia).

Bà X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1520m² đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 843,7m² đất đã được phân chia nói trên.

[2]. Về chi phí tố tụng: không giải quyết.

[3]. Về án phí:

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị X.

Anh Trương Xuân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Nghi Lộc;
- Chi cục THADS H. Nghi Lộc;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LƯU THỊ HỒNG THỂ